

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.264.092.856	53.605.750.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.844.153.328	20.734.235.005
1. Tiền	111		1.384.153.328	4.342.748.854
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.460.000.000	16.391.486.151
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.574.935.040	4.456.365.492
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	16.777.066.656	2.187.458.965
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	20.687.802.036	2.189.700.341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch đầu tư	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	110.066.348	79.206.186
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27.959.057.468	18.566.147.445
1. Hàng tồn kho	141	V.5	27.959.057.468	18.566.147.445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.885.947.020	9.849.002.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		617.979.215	829.058.720
3. Thuế và các khoản khác phải nộp	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại tài sản	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	12.267.967.805	9.019.944.132

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.517.774.317	21.401.692.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khác	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.323.374.648	11.413.566.127
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.072.107.626	2.162.299.105
<i>Nguyên giá</i>	222		5.351.414.273	3.054.306.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.279.306.647)	(892.007.805)
2. Tài sản cố định thuê tài sản	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	9.251.267.022	9.251.267.022
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		194.399.669	9.988.126.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	194.399.669	9.988.126.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.781.867.173	75.007.443.163

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 1:

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		57.388.378.916	34.793.076.219
I. Nợ ngắn hạn	310		57.388.378.916	34.793.076.219
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.10	12.117.133.843	2.228.704.716
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	14.472.581.484	5.441.955.907
4. Thuế và các khoản phải trả	314	V.12	238.001.141	158.430.049
5. Phải trả người lao động	315		712.805.904	460.148.818
6. Chi phí phải trả	316	V.13	25.499.012.654	26.223.688.056
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	4.348.843.890	280.148.673
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.393.488.257	40.214.366.944
I. Vốn chủ sở hữu	410		40.393.488.257	40.214.366.944
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-

7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa	420	393.488.257	214.366.944
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dự	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình t	433	-	-
C -	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG TI	439	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN	440	97.781.867.173	75.007.443.163

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 1:

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1.	Tài sản thuê ngoài	-	-	-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gi	-	-	-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, k	-	-	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-	-
5.	Ngoại tệ các loại				
	Dollar Mỹ (USD)	-	-	-	-
	Euro (EUR)	-	-	-	-
	Dollar Singapore (SGD)	-	-	-	-
	Yên Nhật (¥)	-	-	-	-
	Dollar Úc (AUD)	-	-	-	-
	Bảng Anh (£)	-	-	-	-
	Dollar Canada (CAD)	-	-	-	-
	...	-	-	-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-	-

Lập ngày 27 tháng 6 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Bùi Ngô Phúc

Đoàn Ngọc Ly



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.659.161.957	23.945.649.464
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.659.161.957	23.945.649.464
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.114.561.756	22.256.097.667
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.544.600.201	1.689.551.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.805.268.731	2.302.494.661
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.790.243	70.728.454
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.790.243	70.728.454
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.006.250.271	3.778.542.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		313.828.418	142.775.932
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	319.842.858
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	307.493.422
13. Lợi nhuận khác	40		-	12.349.436
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		313.828.418	155.125.368

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		134.707.105	47.127.092
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>179.121.313</u>	<u>107.998.276</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.8	179.121.313	107.998.276
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>45</u>	<u>27</u>

Người lập biểu

Lập ngày 27 tháng 6 năm 2014
Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Đoàn Ngọc Ly



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, nhận, giao thầu
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp các hạng mục công trình
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 40 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 31 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dạng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Trích lập các quỹ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.128.004.652	2.473.803.512
Tiền gửi ngân hàng	256.148.676	1.868.945.342
Các khoản tương đương tiền	4.460.000.000	16.391.486.151
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<i>4.460.000.000</i>	<i>16.391.486.151</i>
Cộng	<u>5.844.153.328</u>	<u>20.734.235.005</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BĐH Thủy điện Lai Châu	10.730.540.455	-
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	858.882.909	1.820.026.394
Xí Nghiệp Sông Đà 10.4	367.432.571	367.432.571
Công ty CP Tư vấn Phú Hưng	28.604.459	-
DNTN Quảng Lợi	555.411.029	-
Công ty CP đầu tư Vinatex	1.686.833.698	-
BĐH thủy điện Sơn La	2.549.361.535	-
Cộng	<u>16.777.066.656</u>	<u>2.187.458.965</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tư vấn Việt Anpha	1.850.638.000	-
Công ty CP CN XD Toàn Phát	-	716.405.902
Công ty Cổ phần Sáng tạo mắt bảo	-	3.300.000
Công ty CP ĐT XD và PT Hạ Tầng Phương Nam	1.134.623.003	279.200.841
Công ty CP Tư Vấn Phú Hưng	1.021.970.000	-
Công ty CPĐT&XD Mạnh Đức	-	852.976.298
DNTN Quảng Lợi	4.357.901.844	-
Công ty CP Hùng Châm	1.524.043.595	337.817.300
Công ty CP xây dựng và dịch vụ Đức Huy	157.500.000	-
Công ty CP XD và Thương Mại Viên Yên	2.278.165.259	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng 472	38.360.502	-
Công ty TNHH Thành Long	80.007	-
Công ty CP TM Nam Ninh	2.900.411.657	-
Công ty TNHH MTV TM Tiến Minh	35.000.000	-
Công ty CP Ethanol Việt Nam	5.206.618.169	-
Công ty TNHH TM &DV Hồng Hạnh	182.490.000	-
Cộng	<u>20.687.802.036</u>	<u>2.189.700.341</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	11.198.705	6.990.410
Bảo hiểm y tế	2.318.992	1.497.944
Bảo hiểm thất nghiệp	1.420.415	998.630
Cước điện thoại	1.829.373	804.597
Tiền thuế TNCN	-	1.333.667
Lãi tiền gửi ngân hàng	-	67.580.938
Thu tiền điện	65.792.263	-
Đình Thị Phương Thanh	27.506.600	-
Cộng	<u>110.066.348</u>	<u>79.206.186</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	9.325.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.949.732.468	18.566.147.445
Cộng	<u>27.959.057.468</u>	<u>18.566.147.445</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	12.267.967.805	9.019.944.132
Cộng	<u>12.267.967.805</u>	<u>9.019.944.132</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	464.726.273	-	2.156.767.273	432.813.364	3.054.306.910
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	502.000.000	2.042.313.727	-	2.544.313.727
Giảm trong năm theo Thông tư số 45/2013	-	-	-	(247.206.364)	(247.206.364)
Số cuối năm	<u>464.726.273</u>	<u>502.000.000</u>	<u>4.199.081.000</u>	<u>185.607.000</u>	<u>5.351.414.273</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.327.261	-	680.898.558	200.781.986	892.007.805
Khấu hao trong năm	10.327.248	5.534.722	433.396.320	120.092.503	569.350.793
Giảm trong năm theo Thông tư số 45/2013	-	-	-	(182.051.951)	(182.051.951)
Số cuối năm	<u>20.654.509</u>	<u>5.534.722</u>	<u>1.114.294.878</u>	<u>138.822.538</u>	<u>1.279.306.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	454.399.012	-	1.475.868.715	232.031.378	2.162.299.105
Số cuối năm	444.071.764	496.465.278	3.084.786.122	46.784.462	4.072.107.626

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	2.544.313.727	2.544.313.727	-
<i>Xe ô tô Mitsubishi Trion</i>	-	546.835.546	546.835.546	-
<i>Máy toàn đạc, máy thủy bình</i>	-	88.000.000	88.000.000	-
<i>Xe tải ben</i>	-	1.495.478.181	1.495.478.181	-
<i>Xe ủi bánh xích</i>	-	414.000.000	414.000.000	-
XDCB dở dang	9.251.267.022	-	-	9.251.267.022
<i>Dự án Quốc lộ 6</i>	8.209.979.476	-	-	8.209.979.476
<i>Dự án KCN Mông Hoá - Hoà Bình</i>	46.142.090	-	-	46.142.090
<i>Dự án khu đô thị quận Hà Đông</i>	995.145.456	-	-	995.145.456
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Cộng	9.251.267.022	2.544.313.727	2.544.313.727	9.251.267.022

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Bàn ghế phục vụ văn phòng	63.286.000	-	63.286.000	-	-
Đồ dùng văn phòng khác	2.500.000	8.036.364	10.536.364	-	-
Máy tính phục vụ văn phòng	15.290.909	-	15.290.909	-	-
Chi phí thuê văn phòng	9.518.250.000	-	220.500.000	9.297.750.000	-
Đồ dùng trụ sở HH4	388.799.333	-	194.399.664	-	194.399.669
Cộng	9.988.126.242	8.036.364	504.012.937	9.297.750.000	194.399.669

10. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà	628.484.672	286.497.754
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà	62.126.452	22.210.807
Công ty CPTVXD và TM Nam Ninh	1.393.479.542	94.625.962
Công ty Cổ phần tư vấn Việt Alpha	4.460.209.199	1.505.318.068

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Sông Đà 11.1	81.659.309	27.737.704
Xí nghiệp I Công ty Cổ phần Sông Đà 909	95.499.800	-
Công ty CP Sông Đà 7.04	170.083.661	133.888.112
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Mạnh Đức	1.032.092.299	-
Công ty CP Tư Vấn Phú Hưng	725.826.076	110.741.309
Công ty CP công nghiệp Xây Dựng Toàn phát	1.377.921.127	-
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng và phát triển Hạ Tầng Phương Nam	485.022.896	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Quảng Lợi	55.432.124	47.685.000
Công ty CP Hùng Châm	528.644.750	-
Ban điều hành thủy Điện Lai Châu	27.258.597	-
Xí nghiệp sông đà 5.08	49.000.541	-
Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Viên Yên	760.229.116	-
Chi nhánh Sông Đà 12.2	9.713.682	-
Công ty TNHH Vinazoom	10.000.000	-
Công ty CP XD và DV Đức Huy	164.450.000	-
Cộng	12.117.133.843	2.228.704.716

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Sông Đà 5	-	500.000.000
BĐH dự án Thủy điện Lai Châu	3.470.889.908	4.941.955.907
BĐH Thủy Điện Huội Quảng	853.400.000	-
Công ty CP VINATEX	4.978.291.576	-
Công ty TNHH TM Minh Đăng	5.000.000.000	-
Công ty TNHH xây lắp Cương Lĩnh	170.000.000	-
Cộng	14.472.581.484	5.441.955.907

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.127.092	134.707.105	47.127.092	134.707.105
Thuế thu nhập cá nhân	111.302.957	105.544.036	113.552.957	103.294.036
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	158.430.049	243.251.141	163.680.049	238.001.141

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	313.828.418	155.125.368
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	225.000.000	33.383.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản điều chỉnh tăng	225.000.000	33.383.000
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>225.000.000</i>	
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>		<i>33.383.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	538.828.418	188.508.368
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	538.828.418	188.508.368
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>134.707.105</i>	<i>47.127.092</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<i>134.707.105</i>	<i>47.127.092</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>134.707.105</u>	<u>47.127.092</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả tiền mua Văn Phòng	-	9.922.500.000
Chi phí trích trước các hạng mục công trình	25.499.012.654	16.301.188.056
<i>Khoan phun chống thấm để quây hạ lưu</i>	<i>1.577.240.583</i>	<i>2.469.480.856</i>
<i>Gia cố mái hồ móng bờ trái đợt 2</i>	<i>642.885.192</i>	<i>3.986.705.455</i>
<i>Khoan phun chống thấm của nhận nước</i>	<i>1.062.928.073</i>	<i>2.139.868.982</i>
<i>Nhà ở và làm việc ban quản lý</i>	<i>335.037.020</i>	<i>2.198.263.636</i>
<i>Lán trại - Xây dựng nhà ở khu 19.1</i>	<i>999.069.971</i>	<i>4.618.265.455</i>
<i>Thi công Hoàn thiện nội thất Tổng Công ty</i>	-	<i>187.000.000</i>
<i>San nền bãi tổ hợp đường ống áp lực</i>	-	<i>701.603.672</i>
<i>Khoan phun gia cố công trình chính</i>	<i>2.872.901.128</i>	-
<i>Phân móng và mặt đường NT 12</i>	<i>1.747.940.400</i>	-
<i>Thi công bãi lấp rấp liên hợp</i>	<i>683.805.592</i>	-
<i>Nút giao và ngầm tràn (NT 12)</i>	<i>151.739.221</i>	-
<i>Thủy điện Huội Quảng</i>	<i>4.195.907.265</i>	-
<i>Nhà máy nước sạch Nam Định</i>	<i>2.502.782.903</i>	-
<i>Thoát nước cống hàng rào</i>	<i>461.661.304</i>	-
<i>Công trình khu nhà ở liền kề Chúc Sơn</i>	<i>2.466.000.000</i>	-
<i>Nhà ở công nhân B1</i>	<i>1.729.600.000</i>	-
<i>Tuyến ống nước thô DN 5000</i>	<i>3.442.264.349</i>	-
<i>Công trình thủy điện Nậm Chiến</i>	<i>627.249.653</i>	-
Cộng	<u>25.499.012.654</u>	<u>26.223.688.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	203.326.809	73.846.800
Bảo hiểm y tế	38.123.777	13.846.275
Bảo hiểm thất nghiệp	16.943.891	6.153.900
Kinh phí công đoàn	-	27.605.483
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	144.000.000
Phải trả DNTN Quảng Lợi tiền khối lượng tuyển đường NT12	4.076.227.650	-
Phải trả khác	14.221.763	14.696.215
Cộng	<u>4.348.843.890</u>	<u>280.148.673</u>

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	40.000.000.000	106.368.668	40.106.368.668
Lợi nhuận trong năm trước	-	107.998.276	107.998.276
Số dư cuối năm trước	<u>40.000.000.000</u>	<u>214.366.944</u>	<u>40.214.366.944</u>
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	214.366.944	40.214.366.944
Lợi nhuận trong năm	-	179.121.313	179.121.313
Số dư cuối năm nay	<u>40.000.000.000</u>	<u>393.488.257</u>	<u>40.393.488.257</u>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>			<u>Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)</u>	
Công ty cổ phần Sông Đà 11	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Tập Đoàn Sông Đà	110.000.000.000	55%	22.000.000.000	88.000.000.000
Công ty cổ phần Sông Đà 9	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH 1 TV Hạ Tầng Sông Đà	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Tổng công ty CP ĐTPT Xây dựng	30.000.000.000	15%	6.000.000.000	24.000.000.000
Công ty cổ phần ĐTXD&PTĐT Sông Đà	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	44.659.161.957	23.945.649.464
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	42.105.684.145	23.686.726.941
<i>Doanh thu khác</i>	2.553.477.812	258.922.523
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>44.659.161.957</u>	<u>23.945.649.464</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây dựng	36.599.316.094	21.997.175.144
Giá vốn hoạt động khác	2.515.245.662	258.922.523
Cộng	<u>39.114.561.756</u>	<u>22.256.097.667</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.006.589	42.951.588
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	463.082.550	2.026.178.060
Lãi bán hàng trả chậm	1.316.179.592	233.365.013
Cộng	<u>1.805.268.731</u>	<u>2.302.494.661</u>

4. Chi phí tài chính

Là khoản lãi trả chậm phải trả Tổng Công ty Sông Đà

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.882.695.721	1.797.758.077
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	308.107.826	229.121.948
Chi phí đồ dùng văn phòng	341.647.142	55.527.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	569.350.793	251.584.329
Thuế, phí và lệ phí	73.602.152	4.080.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	882.136.561	326.827.927
Chi phí bằng tiền khác	1.948.710.076	1.113.641.890
Cộng	<u>7.006.250.271</u>	<u>3.778.542.072</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu phụ	-	299.342.858
Thu nhập khác	-	20.500.000
Cộng	<u>-</u>	<u>319.842.858</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	8.150.564
Chi phí từ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu phụ	-	299.342.858
Cộng	<u>-</u>	<u>307.493.422</u>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	179.121.313	107.998.276
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	179.121.313	107.998.276
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>45</u>	<u>27</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.000.000	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban Tổng Giám đốc	638.256.378	618.570.939
Cộng	<u>638.256.378</u>	<u>618.570.939</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp I Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp Sông Đà 10.4	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp sông đà 5.08	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty cùng tập đoàn
BĐH thủy điện Sơn La	Công ty cùng tập đoàn
BĐH Thủy Điện Huội Quảng	Công ty cùng tập đoàn
BĐH Thủy điện Lai Châu	Công ty cùng tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tập đoàn Sông Đà	
<i>Trả tiền trong năm</i>	301.929.796
<i>Chi phí lãi vay</i>	25.039.136
<i>Tiền thuê văn phòng</i>	562.615.980
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	
<i>Trả tiền trong năm</i>	1.099.961.772
<i>Bù trừ công nợ</i>	48.832.000
<i>Tiền vừa bê tông, đá dăm</i>	1.184.989.321
Xí nghiệp Sông Đà 5.08	
<i>Bù trừ công nợ</i>	432.081.026
<i>Tiền vừa bê tông, đá dăm</i>	481.081.567
Công ty CP XD và Đầu Tư Sông Đà 9	
<i>Trả tiền trong năm</i>	324.188.700
<i>Tiền thép và rọ đá</i>	324.188.700
Chi nhánh Sông Đà 9.08	
<i>Trả tiền trong năm</i>	3.759.800

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	
<i>Tiền ca máy</i>		3.759.800
Chi nhánh Sông Đà 12.2		
<i>Tiền vữa bê tông</i>		9.713.682
BĐH Thủy điện Lai Châu		
<i>Trả tiền trong năm</i>		19.654.808.730
<i>Bù trừ công nợ</i>		3.152.592.809
<i>Phải thu khối lượng xây lắp</i>		33.537.941.994
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà		
<i>Trả tiền trong năm</i>		1.083.128.034
<i>Phải trả phí chuyển tiền</i>		778.451
<i>Phải thu tiền khoan phạt</i>		122.763.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
<i>Phải thu tiền thi công nội thất</i>		1.526.903.000
<i>Thanh toán tiền trong năm</i>		981.095.910
<i>Bù trừ công nợ</i>		545.807.090
BĐH thủy điện Sơn La		
<i>Phải thu giá trị xây lắp</i>		3.549.361.535
<i>Bù trừ công nợ</i>		1.000.000.000
BĐH Thủy Điện Huội Quảng		
<i>Tiền vay vốn lưu động</i>		853.400.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
BĐH Thủy điện Lai Châu		
<i>Phải thu giá trị xây lắp</i>	10.730.540.455	
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà		
<i>Tiền khoan phạt</i>	858.882.909	1.820.026.394
Xí Nghiệp Sông Đà 10.4		
<i>Phải thu giá trị xây lắp</i>	367.432.571	367.432.571
BĐH thủy điện Sơn La		
<i>Phải thu giá trị xây lắp</i>	2.549.361.535	
Cộng nợ phải thu	14.506.217.470	2.187.458.965
Tập đoàn Sông Đà		
<i>Tiền lãi vay, thuê trụ sở</i>	628.484.672	286.497.754
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
<i>Phí dịch vụ</i>	62.126.452	22.210.807

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Sông Đà 11.1 <i>Tiền điện</i>	81.659.309	27.737.704
XN I Công ty Cổ phần Sông Đà 909 <i>Thuê xe máy</i>	95.499.800	
Công ty CP Sông Đà 7.04 <i>Tiền vữa bê tông, đá dăm</i>	170.083.661	133.888.112
Xí nghiệp sông đà 5.08 <i>Tiền vữa bê tông</i>	49.000.541	
Chi nhánh Sông Đà 12.2 <i>Tiền vữa bê tông</i>	9.713.682	
Công ty CP Sông Đà 5 <i>Tiền thi công nội thất</i>		500.000.000
BDH dự án Thủy điện Lai Châu <i>Phải trả giá trị xây lắp</i>	3.470.889.908	4.941.955.907
<i>Phải trả mua hàng hoá</i>	27.258.597	
BDH Thủy Điện Huội Quảng <i>Tiền ứng trước</i>	853.400.000	
Cộng nợ phải trả	<u>5.448.116.622</u>	<u>5.412.290.284</u>

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.2 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	12.117.133.843	-	-	12.117.133.843
Các khoản phải trả khác	29.589.462.067	-	-	29.589.462.067
Cộng	41.706.595.910	-	-	41.706.595.910
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.228.704.716	-	-	2.228.704.716
Các khoản phải trả khác	26.382.384.271	-	-	26.382.384.271
Cộng	28.611.088.987	-	-	28.611.088.987

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.844.153.328	-	20.734.235.005	-	5.844.153.328	20.734.235.005
Phải thu khách hàng	16.777.066.656	-	2.187.458.965	-	16.777.066.656	2.187.458.965
Các khoản phải thu khác	95.128.236	-	79.206.186	-	95.128.236	79.206.186
Cộng	22.716.348.220	-	23.000.900.156	-	22.716.348.220	23.000.900.156

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	12.117.133.843	2.228.704.716	12.117.133.843	2.228.704.716
Các khoản phải trả khác	29.589.462.067	26.382.384.271	29.589.462.067	26.382.384.271
Cộng	41.706.595.910	28.611.088.987	41.706.595.910	28.611.088.987

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Giáp Tý

Bùi Ngô Phúc

Đoàn Ngọc Ly